

Bản án số: 273/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2024

“v/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và ông Nguyễn Đức Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1998; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh **Đoàn Hồng H1**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương**. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Nơi ở hiện nay: Lào. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Phạm Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Đức T** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương** vào ngày 31/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, chị và anh **T** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị vẫn không cải thiện được. Ngày 23/7/2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ đó vợ chồng ít liên lạc với nhau. Năm 2022, anh **T** đi lao động tại Lào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị **H** không cung cấp được địa chỉ của anh **T** ở Lào nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh **T**. Bà **Đỗ Thị N** (là mẹ đẻ anh **T**) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh **T** ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh **T** vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **T** biết. Quan điểm của anh **T** là do vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân nhau từ lâu nên chị **H** có đơn xin ly hôn, anh **T** đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh **T** xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị **H** vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Anh **T** vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn cơ bản chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Đức T**. Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị **Phạm Thị H** hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; bị đơn anh **Nguyễn Đức T** hiện đang sinh sống và làm việc tại Lào; nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại **huyện T, tỉnh Hải Dương**. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị **H** không cung cấp được địa chỉ của anh **T** tại Lào. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị **H** và gia đình anh **T** cung cấp địa chỉ, nhưng chị **H** và gia đình anh **T** không cung cấp được. Bà **Đỗ Thị N** là mẹ đẻ anh **T** xác định anh **T** vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chị **H** có đơn xin ly hôn, anh **T** đã biết nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị **H** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **T** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị H** và anh **Nguyễn Đức T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương** vào ngày 31/10/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị **H** và anh **T** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị **H** trình bày là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau. Năm 2019, chị đi lao động tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh **T** đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị **H** được ly hôn anh **T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Phạm Thị H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Đức T.**

2. Về án phí: Chị **Phạm Thị H** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh **Đoàn Hồng H1** nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0000710 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị **H** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất